

Cập Nhật Xem Xét Yêu Cầu Bồi Thường Sinh Kế

1. Giới Thiệu. Thông Báo này giải thích các cập nhật gần đây cho quy trình xem xét yêu cầu bồi thường sinh kế và các tiêu chí đủ điều kiện.
2. Công Thức Tính Tổn Thất Sinh Kế Đã Sửa Đổi. Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đã thuê Peter T. Katzmarzyk, Phó Giáo Sư Tiến Sĩ, FACSM, FAHA, Giáo Sư và Phó Giám Đốc Điều Hành về Khoa Học Dân Số tại Trung Tâm Nghiên Cứu Y Sinh Pennington trong Hệ Thống Trường Đại Học Tiểu Bang Louisiana, để đánh giá và báo cáo mức tiếp nhận calo thực tế của các cư dân tại vùng Bờ Vịnh. Cách tiếp cận khuyến nghị của Bác Sĩ Katzmarzyk là sử dụng mức tiếp nhận calo thực tế của nam giới và nữ giới có chiều cao và cân nặng trung bình ở Hoa Kỳ mà có mức hoạt động thể chất “rất tích cực” (Phụ Lục A). Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đã kết hợp khuyến nghị của Bác Sĩ Katzmarzyk vào công thức tính tổn thất Sinh Kế đã sửa đổi, đính kèm ở dạng Phụ Lục B¹. Công thức tính tổn thất Sinh Kế là công cụ mà Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường sẽ sử dụng để tính mức tiêu thụ thực tế hợp lý cho các cư dân Bờ Vịnh. Nhóm Đại Lý Phân Phối Do Tòa Chỉ Định (CADA) sẽ sử dụng kết quả tính toán làm hướng dẫn để so sánh các tổn thất đã được báo cáo thực tế cho người yêu cầu bồi thường cá nhân.
3. Mẫu Phỏng Vấn Về Sinh Kế Đã Cập Nhật. Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đã phê duyệt Mẫu Phỏng Vấn Về Sinh Kế đã sửa đổi, đính kèm như là Phụ Lục C. Mẫu Phỏng Vấn Về Sinh Kế đã sửa đổi yêu cầu thông tin mà công thức tính tổn thất Sinh Kế đã cập nhật đòi hỏi để hoàn thành. Tất cả những người yêu cầu bồi thường Sinh Kế phải hoàn thành và nộp Mẫu Phỏng Vấn Về Sinh Kế đã sửa đổi, ngay cả khi họ đã hoàn thành và nộp Mẫu Phỏng Vấn Về Sinh Kế trước đây. Nhằm cải thiện hiệu quả của việc chuyển tiếp lên, Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường sẽ đăng Mẫu Yêu Cầu Bồi Thường Sinh Kế đã sửa đổi kết hợp tất cả các câu hỏi cần thiết để tính toán tổn thất Sinh Kế.

Người yêu cầu bồi thường và/hoặc luật sư của họ có thể hoàn thành và nộp Mẫu Phỏng Vấn Về Sinh Kế bằng đường bưu điện, fax hoặc email. Mẫu Phỏng Vấn Về Sinh Kế sẽ sẵn có tại Trung Tâm Hỗ Trợ Người Yêu Cầu Bồi Thường và trên trang web của DWH. Để truy cập mẫu trực tuyến, vui lòng vào www.deepwaterhorizoneconomicsettlement.com và nhấp vào liên kết Mẫu Phỏng Vấn Về Sinh Kế dưới phần Các Mẫu Khác.

4. Người Trao Đổi Hàng Hóa và Người Dùng Không Phải Tiêu Dùng. Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường có thể tùy ý yêu cầu người trao đổi hàng hóa hoặc người dùng không phải tiêu dùng nộp (các) Bản Khai Có Tuyên Thệ của Bên Thứ Ba Về Sinh Kế từ (những) người mà người này trao đổi hàng hóa hay ít nhất một người đã quan sát thấy việc trao đổi hàng hóa hay hoạt động về Sinh Kế không phải tiêu dùng của người này. Nếu cần, có thể lấy Bản Khai Có Tuyên Thệ của Bên Thứ Ba Về Sinh Kế (SWS-33) tại www.deepwaterhorizoneconomicsettlement.com, được yêu cầu tại Trung Tâm Hỗ Trợ Người Yêu Cầu Bồi Thường hoặc bằng cách gọi 1-866-992-6174.

¹ Công Thức Tính Tổn Thất Sinh Kế đã sửa đổi sẽ thay thế cho Công Thức Tính Tổn Thất Sinh Kế trước đây đi kèm với Thông Báo về Sinh Kế, “Đại Lý Phân Phối Do Tòa Chỉ Định và Tính Toán Tổn Thất Sinh Kế.”

5. Bản Khai Có Tuyên Thệ của Bên Thứ Ba Cần Thiết từ Thuyền Trưởng (Chỉ Thủy Thủ). Thủy Thủ phải nộp Bản Khai Có Tuyên Thệ của Bên Thứ Ba từ thuyền trưởng của họ để đủ điều kiện nhận các khoản thanh toán liên quan đến việc đưa hải sản vào bờ hay thu hoạch hải sản không được cho phép của họ. Mẫu Bản Khai Có Tuyên Thệ của Bên Thứ Ba Về Sinh Kế, SWS-33, sẵn có tại Trung Tâm Hỗ Trợ Người Yêu Cầu Bồi Thường và trên trang web của DWH (www.deepwaterhorizoneconomicsettlement.com).
6. Bảng Giá Bán Lẻ Hải Sản và Thú Săn Đã Cập Nhật. Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đã cập nhật bảng Giá Bán Lẻ Hải Sản và Thú Săn² để nêu cả các loài bổ sung đã bị loại bỏ khỏi bảng Giá Bán Lẻ Hải Sản và Thú Săn gốc. Bảng Giá Bán Lẻ Hải Sản và Thú Săn đã cập nhật được đính kèm ở dạng Phụ Lục D.
7. Khảo Sát Thực Địa. Như đã nêu trong Thỏa Thuận Phương Án Giải Quyết, Khảo Sát Thực Địa là bắt buộc đối với các yêu cầu bồi thường Sinh Kế với khoản tiền cơ sở phải trả trên \$10.000. Khoản tiền cơ sở là tổng giá trị phải trả của yêu cầu bồi thường Sinh Kế trước khi nhân với Phí Bảo Hiểm Chuyển Nhượng Rủi Ro 2,25. CADA sẽ chỉ định Nhóm Khảo Sát Thực Địa tiến hành Khảo Sát Thực Địa. Nhóm Khảo Sát Thực Địa sẽ đến nhà, địa điểm bến tàu của người yêu cầu bồi thường và các khu vực áp dụng khác để đánh giá thiết bị mà người yêu cầu bồi thường sử dụng cho các mục đích Sinh Kế.
8. Các Cuộc Gọi Thông Báo về Việc Chưa Hoàn Thành. Nhóm CADA sẽ nỗ lực gọi cho người yêu cầu bồi thường trước khi đưa ra Thông Báo về Việc Chưa Hoàn Thành để giải thích Lý Do về Việc Chưa Hoàn Thành. Người yêu cầu bồi thường không có số điện thoại liên lạc được sẽ nhận Thông Báo về Việc Chưa Hoàn Thành qua đường bưu điện hoặc tại cổng thông tin của họ.
9. Giai Đoạn Tổn Thất. Người yêu cầu bồi thường sẽ chứng nhận về khoảng thời gian mà khu vực đánh bắt hay sản bắn của người này bị đóng cửa hoặc tổn hại do Sự Cố Tràn Dầu. Giai đoạn tổn thất được yêu cầu bồi thường phải thống nhất với việc đóng cửa hoặc tổn hại khu vực địa lý áp dụng từ ngày 20 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Nếu giai đoạn tổn thất được yêu cầu bồi thường dài hơn giai đoạn đóng cửa áp dụng, cần có bằng chứng bổ sung về tổn hại thực tế. Để hỗ trợ cho yêu cầu bồi thường tổn hại của mình, người yêu cầu bồi thường có thể hoàn thành và nộp Bản Khai Có Tuyên Thệ chứng nhận việc tổn hại của khu vực, cùng với bất kỳ hồ sơ và giấy tờ nào khác về tổn hại thực tế. Không có bằng chứng như vậy về tổn hại thực tế, giai đoạn tổn thất sẽ được tính theo lúc đóng cửa khu vực địa lý áp dụng. Mẫu Bản Khai Có Tuyên Thệ về Tổn Hại Khu Vực Đánh Bắt hoặc Sản Bắn, SWS-43, sẵn có tại Trung Tâm Hỗ Trợ Người Yêu Cầu Bồi Thường và trên trang web của DWH (www.deepwaterhorizoneconomicsettlement.com).

² Bảng Giá Bán Lẻ Hải Sản và Thú Săn Đã cập nhật thay thế cho Bảng Giá Bán Lẻ Hải Sản và Thú Săn được đính kèm với Thông Báo Về Sinh Kế, “Đại Lý Phân Phối Do Tòa Chỉ Định và Tính Toán Tổn Thất Sinh Kế.”

Phụ Lục A

Bảng Mức Tiêu Thụ Calo Hàng Ngày

Mức Tiêu Thu Calo Hàng Ngày			
	Tuổi	Nam	Nữ
1.	2	1200	1100
2.	3	1800	1800
3.	4	1900	1800
4.	5	2100	2000
5.	6	2200	2100
6.	7	2300	2200
7.	8	2500	2300
8.	9	2700	2400
9.	10	2800	2600
10.	11	3100	2800
11.	12	3300	2900
12.	13	3700	3000
13.	14	3800	3100
14.	15	4100	3100
15.	16	4200	3000
16.	17	4300	3000
17.	18	4300	3000
18.	19	3800	2900
19.	20-29	3800	2900
20.	30-39	3900	2900
21.	40-49	3800	2800
22.	50-59	3700	2700
23.	60-69	3600	2700
24.	70-79	3400	2500
25.	80+	3100	2300

Phụ Lục B

Công Thức Tính Tổn Thất Sinh Kế

Công Thức Tính Tổn Thất Sinh Kế

Việc phân phát được quyết định bằng các sử dụng phương pháp sau đây:

Thành Viên Gia Đình	Tuổi	Giới Tính	Phần Trăm Chế Độ Ăn Uống từ Sinh Kế		Mức Tiêu Thụ Calo Hợp Lý	Mức Calo Sinh Kế Cho Phép Hàng Ngày với Ngưỡng 45 Phần Trăm
			Người Yêu Cầu Bồi Thường Đã Báo Cáo	Nếu Người Yêu Cầu Bồi Thường Đã Báo Cáo >45%=45%		
A	B	C	D	→	E (Từ Bảng 6 Sử Dụng A, B và C)	F = D * E
				→		
Tổng Cộng						DS

Thu hoạch được quyết định bằng cách sử dụng phương pháp sau đây:

Loại	Tổng Tổn Thất Thu Hoạch (lbs.)	Phần Thu Hoạch Có Thể Dùng Được	Sản Phẩm Bán Lẻ Tiêu Dùng (lbs.)	Phần Trăm Được Trao Đổi	Phần Trăm Được Tiêu Dùng	Giá Bán Lẻ Trung Bình Sau Sự Cố Tràn Dầu (\$/lbs.) 2010	Giá Bán Lẻ Trung Bình Sau Sự Cố Tràn Dầu (\$/lbs.) 2011	Áp Giá Phù Hợp dựa trên Giai Đoạn Tổn Thất	Giá Trị Bán Lẻ Được Trao Đổi	Giá Trị Bán Lẻ Được Tiêu Dùng	Kcal / lbs.	Tổng Giá Trị Calo Đã Phân Phát
G	H	I (Từ Bảng 8 sử dụng G)	J = H * I	K	L	M (Từ Bảng Giá Bán Lẻ Năm 2010 Sử Dụng G)	M (Từ Bảng Giá Bán Lẻ Năm 2011 Sử Dụng G)	M (Thống nhất với Giai Đoạn Tổn Thất của Người Yêu Cầu Bồi Thường)	N = J*K*M	P = J*L*M	Q (Từ Bảng 9 Sử Dụng G)	R = J*L*Q
Tổng Cộng									BV	CV	TC	

Chú thích



Thông tin từ Mẫu Yêu Cầu Bồi Thường và Cuộc Phỏng Vấn do Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường tiến hành



Thông tin thống kê lấy từ Báo Cáo Ước Tính Mức Tiếp Nhận Calo và Giá Trị Calo của Thực Phẩm cho Cư Dân tại Vùng Bờ Vịnh thuộc Hoa Kỳ



Thông tin thu được thông qua tính toán

Giá bán lẻ được nêu trong Bảng Giá Bán Lẻ Hải Sản và Thú Săn

Công Thức Tính cho Khách Hàng được xác định như sau:

Giá Trị Bán Lẻ – Được Tiêu Dùng	[CV]
Giá Trị Bán Lẻ – Được Trao Đổi	[BV]
Giai Đoạn Tổn Thất tính bằng Ngày	[LP]
Tổng Giá Trị Calo Được Tiêu Dùng	[TC]
Giá Trị Calo Được Tiêu Dùng Hàng Ngày	[DC] = [TC] / [LP]
Calo Sinh Kế Cho Phép Hàng Ngày	[DS]
 Tỉ Số Tiêu Dùng/Phân Phát	 [CR] = [DC] / [DS]
 Giá Trị Thu Hoạch Bị Tổn Thất – Được tiêu dùng nếu [CR]>1	 [VH] = [CV] / [CR]
Giá Trị Thu Hoạch Bị Tổn Thất – Được tiêu dùng nếu [CR]<1	[VH] = [CV]
Tổng Số Tiền Bồi Thường Trước RTP	[TA] = [BV]+[VH]
RTP (2,25)	[RP] = [TA] * 2,25
Tổng Số Tiền Bồi Thường	[TA] + [RP]

Ví dụ

John Doe là người yêu cầu bồi thường sinh kế, tuyên bố giá trị thu hoạch bị tổn thất liên quan đến sự cố tràn dầu của anh ta bao gồm: 500 pao tôm, 600 pao cua càng xanh, 750 pao cá bơn và 400 pao cá hồi. John không cung cấp bất kỳ thông tin gì để hỗ trợ cho việc tổn thất về sản phẩm thu hoạch được trao đổi. John Doe là một người đàn ông 53 tuổi, cung cấp sinh kế cho: Jane Doe (52 tuổi/Nữ), Philip Doe (26 tuổi/Nam), Mallery Doe (27 tuổi/Nữ), Henry Doe (22 tuổi/Nam), Katie Doe (18 tuổi/Nữ), Kyle Doe (16 tuổi/Nam), Ben Doe (14 tuổi/Nam) và Zack Doe (12 tuổi/Nam). John Doe còn khẳng định thêm rằng 40 phần trăm khẩu phần ăn uống của gia đình bao gồm thực phẩm mà anh ta thu hoạch được và anh ta mất 100 phần trăm sản phẩm thu hoạch trong giai đoạn 30 ngày năm 2010 (Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đã xác định rằng các vùng đánh bắt của người yêu cầu bồi thường phù hợp với địa điểm đã bị đóng cửa hay chịu ảnh hưởng phù hợp với yêu cầu bồi thường).

Phân phát:

Thành Viên Gia Đình	Tuổi	Giới Tính	Phần Trăm Chế Độ Ăn Uống từ Sinh Kế		Mức Tiêu Thụ Calo Hợp Lý	Mức Calo Sinh Kế Cho Phép Hàng Ngày với Ngưỡng 45 Phần Trăm	
			Người Yêu Cầu Bồi Thường Đã Báo Cáo	Nếu Người Yêu Cầu Bồi Thường Đã Báo Cáo >45% =45%			
John Doe	53	Nam	40%	→	40%	3,700	1,480
Jane Doe	52	Nữ	40%	→	40%	2,700	1,080
Philip Doe	26	Nam	40%	→	40%	3,800	1,520
Mallery Doe	27	Nữ	40%	→	40%	2,900	1,160
Henry Doe	22	Nam	40%	→	40%	3,800	1,520
Katie Doe	18	Nữ	40%	→	40%	3,000	1,200
Kyle Doe	16	Nam	40%	→	40%	4,200	1,680
Ben Doe	14	Nam	40%	→	40%	3,800	1,520
Zack Doe	12	Nam	40%	→	40%	3,300	1,320
Tổng Cộng						12.480	

Thu Hoạch:

Loại	Tổng Tổn Thất Thu Hoạch (lbs.)	Phần Thu Hoạch Có Thể Tiêu Dùng Được	Sản Phẩm Bán Lẻ Tiêu Dùng (lbs.)	Phần Trăm Được Trao Đổi	Phần Trăm Được Tiêu Dùng	Giá Bán Lẻ Trung Bình Sau Sự Cố Tràn Dầu (\$/lbs.) 2010	Giá Bán Lẻ Trung Bình Sau Sự Cố Tràn Dầu (\$/lbs.) 2011	Áp Giá Phù Hợp dựa trên Giai Đoạn Tổn Thất	Giá Trị Bán Lẻ Được Trao Đổi	Giá Trị Bán Lẻ Được Tiêu Dùng	Kcal / lbs.	Tổng Giá Trị Calo Đã Phân Phát
Tôm	500	46%	230.0	0%	100 %	\$6.26	\$6.75	\$6.26	\$0.00	\$1,439 .80	322	74,060
Cua Càng Xanh	600	17%	102.0	0%	100 %	\$7.64	\$8.57	\$7.64	\$0.00	\$779.2 8	395	40,290
Cá Bơn	750	39%	292.5	0%	100 %	\$4.17	\$4.19	\$4.17	\$0.00	\$1,219 .73	318	93,015
Cá Hồi	400	58%	232.0	0%	100 %	\$7.84	\$4.74	\$7.84	\$0.00	\$1,818 .88	671	155,672
Tổng Cộng									BV	CV		TC

Tính Toán:

Giá Trị Bán Lẻ – Được Tiêu Dùng	[CV]	\$5,258
Giá Trị Bán Lẻ – Được Trao Đổi	[BV]	\$0.00
Giai Đoạn Tổn Thất tính bằng Ngày	[LP]	30
Tổng Giá Trị Calo Được Tiêu Dùng	[TC]	363,037
Giá Trị Calo Được Tiêu Dùng Hàng Ngày	$[DC] = [TC] / [LP]$	12,101
Calo Sinh Kế Cho Phép Hàng Ngày	[DS]	12,480
Tỉ Số Tiêu Dùng/Phân Phát	$[CR] = [DC] / [DS]$	0.97
Giá Trị Thu Hoạch Bị Tổn Thất – Được tiêu dùng nếu [CR]>1	$[VH] = [CV] / [CR]$	
Giá Trị Thu Hoạch Bị Tổn Thất – Được tiêu dùng nếu [CR]<1	[VH] = [CV]	\$5,258
Tổng Số Tiền Bồi Thường Trước RTP	$[TA] = [BV] + [VH]$	\$5,258
RTP (2,25)	$[RP] = [TA] * 2,25$	\$11,830
Tổng Số Tiền Bồi Thường	$[TA] + [RP]$	\$17,087

Trong Ví Dụ 1, Tổng Số Tiền Bồi Thường Nhận Được của John Doe là \$17.087. Trong ví dụ này, John đã không vượt quá Phần Trăm Khẩu Phần Ăn Uống Hợp Lý so với giới hạn Sinh Kế và anh không vượt quá thử nghiệm Tỉ Số Tiêu Dùng/Phân Phát [CR].

Phụ Lục C

Mẫu Phỏng Vấn Về Sinh Kế Đã Cập Nhật

MẪU PHỎNG VẤN VỀ SINH KẾ				
Nếu quý vị cần thêm chỗ trống để hoàn thành mẫu này, hãy đính kèm thêm các trang để ghép vào tài liệu này. Hãy chắc chắn nêu tên quý vị và Số Nhận Dạng DWH trên bất kỳ trang bổ sung nào.				
A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI YÊU CẦU BỒI THƯỜNG				
Tên:	Họ	Tên	Chữ Đầu Tên Đệm	
Mã Số Người Yêu Cầu Bồi Thường trong Chương Trình Giải Quyết Deepwater Horizon:			_ _ _ _ _ _ _ _ _ _ _ _ _ _ _ _	
Địa Chỉ Hiện Tại:	Đường			
	Thành Phố	Tiểu Bang	Mã Zip	
Số Điện Thoại:	(_ _ _ _) _ _ _ _ _ - _ _ _ _ _			
Số An Sinh Xã Hội: hoặc Số Nhận Dạng Người Nộp Thuế Cá Nhân:	SSN hoặc ITIN _ _ _ _ - _ _ _ - _ _ _ _ _			
B. THÔNG TIN VỀ LOÀI				
Trong phần dưới đây, quý vị phải trình bày: (A) loài quý vị sử dụng hoặc cung cấp nhằm mục đích làm sinh kế; (B) tổng trọng lượng tổn thất của loài tính bằng pao (KHÔNG bao gồm bất kỳ số lượng nào quý vị đã bán); (C) phần trăm tổng số loài đã thu hoạch mà quý vị đã trao cho từng thành viên gia đình nhằm mục đích tiêu dùng; và (D) phần trăm tổng số loài đã thu hoạch mà quý vị đã trao đổi hoặc sử dụng nhằm các mục đích không phải tiêu dùng khác. Ví dụ: Nếu thông thường quý vị đánh bắt được 100 pao cá bơn mỗi mùa, quý vị không thể đánh bắt được trong cả mùa do Sự Cố Trần Dầu, và quý vị thường bán một nửa lượng thu hoạch cá bơn và ăn nửa còn lại thì quý vị sẽ hoàn thành bảng như nhìn thấy trong ví dụ bên dưới.				
	A. Loài	B. Trọng Lượng Tổn Thất tính bằng pao	C. Phần Trăm Được Phân Phát làm Thực Phẩm	D. Phần Trăm Được Trao Đổi hoặc Sử Dụng Nhằm Các Mục Đích Không Phải Tiêu Dùng
VÍ DỤ:	Cá Bơn	100 lbs.	50%	50%
1.				
2.				
3.				
4.				
5.				
6.				
7.				
8.				
9.				
10.				

C. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI YÊU CẦU BỒI THƯỜNG VÀ THÀNH VIÊN GIA ĐÌNH

Trong phần dưới đây, quý vị phải trình bày: (A) tên của quý vị hoặc thành viên gia đình dựa vào hoạt động sinh kế của quý vị; (B) tuổi tại thời điểm quý vị bắt đầu bị tổn thất; (C) giới tính; (D) Số An Sinh Xã Hội; và (E) phần trăm tổng mức khẩu phần ăn uống của thành viên gia đình quý vị mà các hoạt động sinh kế của quý vị cung cấp. Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường sẽ không thanh toán cho tổn thất tiêu dùng vượt quá 45% mức khẩu phần ăn uống của người yêu cầu bồi thường hoặc thành viên gia đình. Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường xác định rằng 45% là tỉ lệ phần trăm hợp lý tối đa mà người yêu cầu bồi thường có thể tuyên bố là đến từ các hoạt động sinh kế. Ví dụ: Nếu quý vị không thể thu hoạch Hải Sản hay Thú Sản bắt đầu từ ngày 20/4/2010, quý vị 50 tuổi vào ngày đó và 20% thực phẩm quý vị ăn đến từ lượng thu hoạch của quý vị thì quý vị sẽ hoàn thành bảng như nhìn thấy trong ví dụ bên dưới.

	A. Tên	B. Tuổi	C. Giới Tính	D. Số An Sinh Xã Hội	E. Phần Trăm Lượng Chế Độ Ăn Uống Từ Hoạt Động Sinh Kế (Cho Phép Tối Đa 45%)
VÍ DỤ:	John Doe	50	<input checked="" type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	123-45-6789	20%
1.			<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ		
2.			<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ		
3.			<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ		
4.			<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ		
5.			<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ		
6.			<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ		
7.			<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ		
8.			<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ		
9.			<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ		
10.			<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ		

D. CHỮ KÝ

Tôi chứng nhận và tuyên bố theo hình phạt về tội khai man theo 28 U.S.C. Phần 1746 rằng tất cả các thông tin tôi đã cung cấp trong Mẫu Phỏng Vấn này (và trong bất kỳ trang nào tôi đã đính kèm hay nộp cùng với Mẫu Phỏng Vấn này để cung cấp thông tin bổ sung được yêu cầu trong Mẫu Phỏng Vấn này) là có thật và chính xác theo hiểu biết tốt nhất của tôi, và rằng các tài liệu hỗ trợ đính kèm hay nộp cùng với Mẫu Phỏng Vấn này và thông tin trong đó là có thật, chính xác và hoàn chỉnh theo hiểu biết tốt nhất của tôi, và tôi hiểu rằng việc tuyên bố hay trình bày sai liên quan đến Mẫu Phỏng Vấn này có thể dẫn đến phạt tiền, phạt tù và/hoặc bất kỳ biện pháp khắc phục nào khác sẵn có theo pháp luật cho Chính Quyền Liên Bang, và rằng các tuyên bố đáng ngờ sẽ được chuyển tiếp cho các cơ quan thực thi pháp luật liên bang, tiểu bang và địa phương để có thể tiến hành điều tra và truy tố.

Luật sư có thể ký vào phần tên người yêu cầu bồi thường trên Mẫu Phỏng Vấn này nếu người yêu cầu bồi thường đã ủy quyền cho luật sư trong Thỏa Thuận Ủy Nhiệm, thỏa thuận về người tùy tùng hoặc tài liệu khác có chữ ký của người yêu cầu bồi thường trong đó người yêu cầu bồi thường đã ủy quyền cho luật sư hoặc hãng luật theo đuổi các yêu cầu bồi thường cho người yêu cầu bồi thường phát sinh từ Sự Cố Deepwater Horizon. Nếu luật sư chọn phương án này, luật sư phải nộp, hoặc phải đã nộp, bản PDF mẫu ủy quyền đã ký từ người yêu cầu bồi thường trước khi chữ ký của luật sư có thể được chấp nhận. Nếu luật sư không có mẫu ủy quyền đã ký từ người yêu cầu bồi thường, luật sư có thể sử dụng Mẫu Ủy Quyền do Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường lập nhằm mục đích này (POA-1), sẵn có bằng cách sử dụng phần Mẫu của trang web, www.deepwaterhorizonsettlements.com.

Là luật sư được ủy quyền, bằng việc ký tên dưới đây, quý vị chứng nhận rằng quý vị đã có mẫu ủy quyền bằng văn bản cần thiết từ người yêu cầu bồi thường để theo đuổi các yêu cầu bồi thường cho người yêu cầu bồi thường phát sinh từ Sự Cố Deepwater Horizon thay mặt cho họ và đã nộp mẫu ủy quyền này.

Chữ Ký của Người Yêu Cầu Bồi Thường Ngày Ký:	____/____/____ (Ngày/Tháng/Năm)	_____ Chữ Ký _____ Tên (Viết In hoặc Đánh Máy)
Chữ Ký của Luật Sư Ngày Ký:	____/____/____ (Ngày/Tháng/Năm)	_____ Chữ Ký _____ Tên (Viết In hoặc Đánh Máy)

Phụ Lục D

Bảng Giá Bán Lẻ Hải Sản và Thú Săn Đã Cập Nhật

Bảng Giá Bán Lẻ Hải Sản và Thú Sản*				
	Loài**	Loài Tiêu Biểu	Giá Năm 2010	Giá Năm 2011
1.	Cá Ngừ Albacore	Cá Ngừ	\$7.32	\$8.30
2.	Cá Sấu	Cá Sấu	\$11.70	\$11.70
3.	Cá Almaco Jack	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
4.	Cá Amber Jack	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
5.	Cá Ngừ Vây Đen	Cá Ngừ	\$7.32	\$8.30
6.	Cá Mòi	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
7.	Cá Ballyhoo	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
8.	Cá Nhông	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
9.	Cá Sòng Mắt Lớn	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
10.	Cá Ngừ Mắt Lớn	Cá Ngừ	\$7.32	\$8.30
11.	Cá Gõ Biển	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
12.	Cá Mú Đen	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
13.	Cá Đối Đen	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
14.	Cá Đối Đen Có Trứng	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
15.	Cua Càng Xanh	Cua	\$7.64	\$8.57
16.	Cua Càng Xanh - Đã Lột Mai	Cua	\$7.64	\$8.57
17.	Cua Càng Xanh - Mềm	Cua	\$7.64	\$8.57
18.	Cá Bạc Má	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
19.	Cá Ngừ Vây Xanh	Cá Ngừ	\$7.32	\$8.30
20.	Cá Ngừ Xanh	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
21.	Cá Lát Sọc Xanh	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
22.	Tôm Nâu	Tôm	\$6.26	\$6.75
23.	Cá Chim	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
24.	Cá Tra	Cá Tra	\$4.91	\$6.38
25.	Tra	Tra	\$5.38	\$5.66
26.	Cá Giò	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
27.	Cua	Cua	\$7.64	\$8.57
28.	Cá Crevalle Jack	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
29.	Cá Lù Đù	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
30.	Cá Moruy Chấm Đen	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
31.	Cá Dao	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
32.	Hươu Nai	Thịt Bò	\$3.16	\$3.43
33.	Cá Heo	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
34.	Cá Trống	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
35.	Vịt	Gà	\$1.20	\$1.21
36.	Hàu Miền Đông	Hàu	\$6.27	\$5.99

Bảng Giá Bán Lẻ Hải Sản và Thú Săn *				
	Loài **	Loài Tiêu Biểu	Giá Năm 2010	Giá Năm 2011
37.	Cá Chình	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
38.	Lợn Rừng	Thịt Giăm Bông	\$2.29	\$2.38
39.	Cá Bơn	Cá Bơn	\$4.17	\$4.19
40.	Ếch	Ếch	\$10.95	\$10.95
41.	Cá Mú	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
42.	Cá Sấu Mồm Dài	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
43.	Cà Phèn	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
44.	Cá Lát Vàng	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
45.	Cá Grunt	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
46.	Cá Mú Than	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
47.	Cá Thu Hoàng Hậu	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
48.	Cá Mặt Trăng (Trắng)	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
49.	Ngỗng	Gà Tây	\$1.25	\$1.40
50.	Cá Cháo	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
51.	Cá Hường Sọc	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
52.	Cá Ngừ Nhỏ (Bonito)	Cá Ngừ	\$7.32	\$8.30
53.	Tôm Hùm	Tôm Hùm	\$10.90	\$12.40
54.	Cá Bạc	Cá Chỉ Vàng	\$9.08	\$9.58
55.	Cá Mòi Dầu	Không	\$0.00	\$0.00
56.	Chồn Vizon	Thịt Bò	\$3.16	\$3.43
57.	Loài Khác Cá Làm Thực Phẩm	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
58.	Loài Khác Cá Công Nghiệp	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
59.	Cá Vược Biển Hỗn Hợp	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
60.	Cá Vây Tia	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
61.	Cá Đối	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
62.	Chuột Hương	Thịt Bò	\$3.16	\$3.43
63.	Cá Hồng Đỏ	Cá Chỉ Vàng	\$9.08	\$9.58
64.	Chuột Hải Li	Thịt Bò	\$3.16	\$3.43
65.	Loài Lương Cư Khác	Ếch	\$10.95	\$10.95
66.	Cá Nước Ngọt Khác	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
67.	Loài Thú Săn Khác	Thịt Bò	\$3.16	\$3.43
68.	Cá Mú Khác	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
69.	Cá Chó Nhỏ Khác	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
70.	Gia Cầm Lớn Khác	Gà Tây	\$1.25	\$1.40
71.	Bò Sát Lớn Khác	Cá Sấu	\$11.70	\$11.70
72.	Gia Cầm Nhỏ Khác	Gà	\$1.20	\$1.21

Bảng Giá Bán Lẻ Hải Sản và Thú Sản*				
	Loài**	Loài Tiêu Biểu	Giá Năm 2010	Giá Năm 2011
73.	Bò Sát Nhỏ Khác	Rùa	\$14.51	\$14.51
74.	Cá Chỉ Vàng Khác	Cá Chỉ Vàng	\$9.08	\$9.58
75.	Rái Cá	Thịt Bò	\$3.16	\$3.43
76.	Hàu	Hàu	\$6.27	\$5.99
77.	Cá Perch	Cá Perch	\$4.33	\$3.88
78.	Cá Sòng Chấm	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
79.	Cá Đầu Đinh	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
80.	Tôm Chì	Tôm	\$6.26	\$6.75
81.	Cá Nục	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
82.	Cá Mùi	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
83.	Gấu Trúc Mỹ	Thịt Bò	\$3.16	\$3.43
84.	Cá Mú Đỏ	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
85.	Cá Hồng	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
86.	Cá Hồi Đỏ (Cá Nạng)	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
87.	Tôm Đá	Tôm	\$6.26	\$6.75
88.	Cá Roughy	Cá Roughy	\$8.41	\$8.63
89.	Cá Nục Sô (Cá Nục Chấm)	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
90.	Tôm Hùm Đỏ	Tôm	\$6.26	\$6.75
91.	Cá Hồi Biển Trắng	Cá Hồi	\$7.84	\$4.74
92.	Cá Mòi Vẩy	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
93.	Cá Mú Scamp Grouper	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
94.	Cá Mập	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
95.	Vi Cá	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
96.	Cá Đầu Cừu	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
97.	Tôm	Tôm	\$6.26	\$6.75
98.	Cá Hanh Tơ	Cá Chỉ Vàng	\$9.08	\$9.58
99.	Cá Đối Bạc	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
100.	Cá Hồi Biển Bạc	Cá Hồi	\$7.84	\$4.74
101.	Cá Chỉ Vàng	Cá Chỉ Vàng	\$9.08	\$9.58
102.	Cá Song Chấm Trắng	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
103.	Cá Lù Đù Miền Nam	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
104.	Cá Nẫu	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
105.	Cá Thu Tây Ban Nha	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
106.	Cá Mòi Tây Ban Nha	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
107.	Cá Hồi Chấm Nhỏ	Cá Hồi	\$7.84	\$4.74
108.	Cá Đù Chấm	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46

Bảng Giá Bán Lẻ Hải Sản và Thú Sản*				
	Loài**	Loài Tiêu Biểu	Giá Năm 2010	Giá Năm 2011
109.	Mực Ống	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
110.	Sóc	Thịt Bò	\$3.16	\$3.43
111.	Càng Cua Đá	Cua	\$7.64	\$8.57
112.	Cá Đối Sọc	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
113.	Cá Kiếm	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
114.	Cá rô Tilapia (Cá Perch Sông Nile)	Cá rô Tilapia	\$5.51	\$6.62
115.	Cá Trích Tread Herring	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
116.	Cá Cảnh Trigger Fish	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
117.	Cá Hồi	Cá Hồi	\$7.84	\$4.74
118.	Cá Ngừ	Cá Ngừ	\$7.32	\$8.30
119.	Rùa	Rùa	\$14.51	\$14.51
120.	Cá Hồng Vermillion Snapper	Cá Chỉ Vàng	\$9.08	\$9.58
121.	Cá Thu (Wahoo)	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
122.	Cá Mú Warsaw	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
123.	Tôm Trắng	Tôm	\$6.26	\$6.75
124.	Cá Hồi Trắng	Cá Hồi	\$7.84	\$4.74
125.	Cá Mú Viên Vàng	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
126.	Cá Mú Vây Vàng	Cá Nước Ngọt Khác	\$6.55	\$6.46
127.	Cá Ngừ Vây Vàng	Cá Ngừ	\$7.32	\$8.30
128.	Cá Hanh Đuôi Vàng	Cá Chỉ Vàng	\$9.08	\$9.58

* Bảng Giá Hải Sản và Thú Sản bao gồm giá bán trung bình từ các siêu thị ở Vùng Vịnh tại Hạt Galveston, Texas, đến Hạt Wakulla, Florida.

Giá thú sản lấy từ Báo Cáo Chi Tiết về Chỉ Số Giá Tiêu Dùng BLS, “Bảng P4: Giá thực phẩm bán lẻ trung bình, mức trung bình tại thành phố và bốn khu vực của Hoa Kỳ.”

Giá ếch, cá sấu và rùa được xác định thông qua việc nghiên cứu giá của các đại lý bán lẻ tại Vùng Vịnh. Giá được tính của cá sấu mỗi pao được xác định bằng cách nghiên cứu giá của các đại lý bán lẻ tại Vùng Vịnh cho các bộ phận của cá sấu, bao gồm chân, đuôi, thân và thịt cá sấu đã chế biến (xúc xích và thịt đã làm mềm) và các bộ phận của rùa, bao gồm thịt sống có xương, thịt đông lạnh, phi-lê và thịt đã rút xương. Giá tính cho rùa và cá sấu là giá năm 2012.

** Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường có thể cập nhật danh sách này với các loài bổ sung theo báo cáo của người yêu cầu bồi thường.